

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 062024/HS-ST
Ngày: 08/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Kiệm;
- Ông Đặng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Như T, sinh ngày 12/6/1999, tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Số căn cước công dân: 051199001411, cấp ngày 22/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ C1.

Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T1, sinh năm 1977, và bà Bùi Thị V, sinh năm 1978; chồng: chưa có; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông [Huỳnh Văn H](#), sinh năm 1988. Nơi cư trú: [Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi](#). (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị [Nguyễn Thị Văn C](#), sinh năm 1992. Nơi cư trú: [Thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi](#). (Vắng mặt)

+ Bà [Lê Thị Ánh T2](#), sinh năm 1971. Nơi cư trú: [Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi](#). (Vắng mặt)

+ Chị [Bùi Lê Quỳnh N](#), sinh năm 1999. Nơi cư trú: [Khu phố C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh](#). (Vắng mặt)

+ Ông [Nguyễn Văn N1](#), sinh năm 1988. Nơi cư trú: [Thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi](#). (Vắng mặt)

+ Anh [Nguyễn Công S](#), sinh năm 1993. Nơi cư trú: [Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông [Huỳnh Văn H](#) và bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) có quan hệ quen biết với nhau. Trong thời gian quen biết, trao đổi nói chuyện với nhau thì [T](#) đã nói dối ông [H](#) là mình đang làm việc liên quan đến cho vay tiền, khi nào có nhu cầu vay tiền thì liên hệ với [T](#) để được vay. Sau đó, do có nhu cầu cần vay số tiền 60.000.000^d (Sáu mươi triệu đồng) nên ông [Huỳnh Văn H](#) đã liên hệ với [Nguyễn Hoàng Như T](#) để được làm hồ sơ vay số tiền trên, trong khoảng thời gian từ ngày 04/7/2023 đến ngày 16/7/2023, bằng thủ đoạn làm thủ tục cho vay tiền, đưa ra thông tin gian dối như làm hồ sơ vay vốn, đóng tiền để làm bảo hiểm khoản vay, tiền phí thẩm định hồ sơ, tiền phí bảo hiểm, phí bao đầu để bị hại [Huỳnh Văn H](#) tin, [T](#) đã lừa ông [H](#) đưa tiền mặt 01 lần với số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) và chuyển khoản 04 lần với tổng số tiền 7.960.000đ (Bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) cho [T](#); trong đó chuyển khoản trực tiếp cho [T](#) 02 lần qua số tài khoản của bà [T](#) là 1033402058 và chuyển khoản cho bà [Nguyễn Thị Văn C](#), sinh năm 1992, ở [thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi](#) 02 lần với tổng số tiền là 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng) qua số tài khoản của bà [C](#) là 1015435887 để bà [C](#) đưa lại cho [T](#) ([T](#) đã chủ động xin số tài khoản của bà [C](#) đưa cho ông [H](#) để ông [H](#) chuyển tiền, bà [C](#) không biết số tiền này do ai chuyển đến, là tiền gì). Sau khi nhận và chiếm đoạt của ông [H](#)

số tiền tổng cộng là 9.960.000^d (*Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) nêu trên, [T](#) sử dụng cho mục đích cá nhân nhưng không thực hiện được việc cho ông [H](#) vay số tiền 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*) nên ngày 26/7/2023, ông [Huỳnh Văn H](#) đã gửi Đơn tố giác về tội phạm, tố giác hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của [Nguyễn Hoàng Như T](#) đến [Công an xã Đ](#) để điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 xử phạt bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Về dân sự: Bị cáo chưa bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị hại có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt nên đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 9.960.000^d (*Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông [Nguyễn Công S](#) 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện M](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện M](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, làm việc với những người này. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) đã khai nhận toàn bộ hành lừa đảo, chiếm đoạt tài sản như nội dung vụ án đã nêu ở trên; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở, chứng cứ xác định: Từ ngày 04/7/2023 đến ngày 16/7/2023, bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối (đưa ra thông tin giả dối về làm hồ sơ vay vốn, đóng tiền để làm bảo hiểm khoản vay, tiền phí thẩm định hồ sơ, tiền phí bảo hiểm, phí bao đậu) để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông [Huỳnh Văn H](#) số tiền 9.960.000 đồng (chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo biết rõ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội khi đang mang thai. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo đã 05 lần sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản (lừa tiền) của bị hại; trong đó, có 03 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi của bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) là nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự công cộng, trật tự xã hội, nếp sống văn hóa tại địa phương nên cần phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để căn cứ, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) chưa bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại [Huỳnh Văn H](#). Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt (9.960.000 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự nên cần buộc bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) phải bồi thường cho bị hại [Huỳnh Văn H](#) số tiền 9.960.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max mà bị cáo đã dùng để liên hệ với bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, điện thoại này là của ông [Nguyễn Công S](#). Điện thoại này bị cáo mượn của ông [S](#) để sử dụng, tuy

nhân khi bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội thì ông S không biết, do đó cần trả lại cho ông S điện thoại trên.

[9] Về các nội dung khác có liên quan: Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn N1, Lê Thị Ánh T2, Nguyễn Thị Văn C, Bùi Lê Quỳnh N, quá trình điều tra xác định những người này không biết Nguyễn Hoàng Như T thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Huỳnh Văn H nên không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng Như T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Như T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Như T 06 (sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Như T phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn H số tiền 9.960.000 đồng (*Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho ông Nguyễn Công S 01 (một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, loại Iphone 11 Pro Max, màu vàng, có số IMEI 353926101951423, đã qua sử dụng, được bỏ trong 01 bì thư được niêm phong dán kín, có đóng dấu của Phòng K công an tỉnh Q và chữ ký giáp lai ghi rõ họ tên của Nguyễn Thế A.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo [Nguyễn Hoàng Như T](#) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS công an huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hòa